TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quách Thị Hồng Ngọc

Bà Trần Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022 và ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐXX ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Tuyết M, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1976
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: ấp Đ, xã K, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt chị M, anh T vắng mặt (anh T đã mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lưu Thị Tuyết M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Tuyết M và anh Nguyễn Trí T chung sống vợ chồng vào năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2006 tại UBND xã xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị M được khoảng 01 năm thì về quê anh T ở thành phố S sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không phụ tiếp kinh tế cùng chị M lo cho gia đình. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Chị M khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi nên vợ chồng cự cãi. Từ tháng 5/2014 chị M đưa 02 con về xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long sống chung với cha mẹ chị M đến nay. Sau khi chị M đưa con về nhà cha mẹ sống thì gần năm 01 sau anh T có đến thăm được một lần rồi đi luôn cho đến nay. Từ năm 2015 đến nay thì chị M không còn liên lạc được với anh T. Chị M và gia đình anh T cũng tìm mọi cách tìm kiếm nhưng không được. Chị M cũng đã thực hiện các thủ tục tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Nay chị M nhận thấy tình cảm không còn, chị M yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ngọc Huyền T1, sinh ngày 04/7/2005 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 26/6/2008 (hiện đang sống với chị M). Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Trí T đã mất tích, nên không có văn bản trình bày ý kiến.**

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M và anh T ly hôn. Giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

- Về án phí đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Năm 2021, chị Lưu Thị Tuyết M nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Trí T mất tích để chị M bổ sung tài liệu chứng cứ khởi kiện xin ly hôn anh T. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã đăng tin thông báo tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng

theo đúng quy định nhưng vẫn không có tin tức gì về anh T. Ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố S đã có Quyết định số 07/2021/QĐST-VDS về việc tuyên bố anh T mất tích. Quyết định tuyên bố anh T mất tích đã có hiệu lực pháp luật

Ngày 06/5/2022, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn anh T. Quá trình thụ lý, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, không có tin tức về việc anh T ở đâu, làm gì.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử vụ án đã được thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2006 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày: Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không phụ tiếp kinh tế cùng chị M. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Chị M khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi nên vợ chồng cự cãi. Tháng 5/2014, chị M đưa 02 con về sống chung với cha mẹ chị M. Khoảng năm 2015, anh T có đến thăm được một lần sau đó đi luôn cho đến nay. Cũng từ năm 2015 đến nay chị M không còn liên lạc được với anh T. Chị M cũng đã thực hiện các thủ tục tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Nay chị M nhận thấy tình cảm không còn, chị M yêu cầu được ly hôn anh T.

Tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Trong trường hợp vợ chồng của người của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"

Do đó, chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con tên Nguyễn Ngọc Huyền T1, sinh ngày 04/7/2005 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 26/6/2008 (hiện đang sống với chị M). Xét thấy, từ khi chị M và anh T sống ly thân đến nay thì hai cháu T1 và H chung sống với chị M, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hai cháu T1 và cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao hai con cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Về phía anh T được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị M nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Tuyết M. Cho chị Lưu Thị Tuyết M và anh Nguyễn Trí T ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Lưu Thị Tuyết M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T1, sinh ngày 04/7/2005 và Nguyễn Ngọc Huy H, sinh ngày 26/6/2008 (hiện đang sống với chị M).

- Chị Lưu Thị Tuyết M không yêu cầu anh Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

- Anh Nguyễn Trí T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị Lưu Thị Tuyết M nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị M đã nộp ngày 06/5/2022 theo biên lai thu số 0000786 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSĐ;
- THA Dân sự TPSĐ**;**
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự;
- Lưu h/s.